

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

## Chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 718 /QĐ-ĐT, ngày 12/3/2013  
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

### PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
  - + Tiếng Việt: Quản trị kinh doanh
  - + Tiếng Anh: Business Administration
- Mã số chuyên ngành đào tạo: 62 34 05 01
- Tên ngành đào tạo:
  - + Tiếng Việt: Tiến sĩ Quản trị kinh doanh
  - + Tiếng Anh: Doctor of Philosophy in Business Administration
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
  - + Tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh
  - + Tiếng Anh: The Degree of Doctor of Philosophy in Business Administration
- Đơn vị đào tạo: Trường ĐH Kinh tế ĐHQG Hà Nội

#### 2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

##### 2.1. Mục tiêu chung

- Chương trình nhằm đào tạo các tiến sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh (DBA), thực hiện được các nghiên cứu một cách độc lập, có thể đưa ra được các luận cứ khoa học về lĩnh vực quản trị kinh doanh trên phương diện là các chuyên gia, góp phần cung cấp các cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách phát triển cũng như điều hành doanh nghiệp. Người học sau khi nhận được học vị tiến sĩ có thể trở thành các chuyên gia nghiên cứu, tư vấn cao cấp, giảng viên đại học, các nhà hoạch định chính sách trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, tổng giám đốc/giám đốc các tập đoàn kinh tế.

##### 2.2. Mục tiêu cụ thể

- Kết thúc chương trình, người học được công nhận học vị tiến sĩ quản trị kinh doanh với năng lực chuyên môn và kỹ năng nghiên cứu độc lập; có thể tự tiến hành các nghiên cứu để trở thành các chuyên gia trong việc nghiên cứu, giảng dạy, phân tích, tư vấn, phản biện, hoạch định và thực thi chính sách trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh.

- Với học vị tiến sĩ Quản trị kinh doanh (DBA), người học được trang bị: (1) kiến thức tổng quan, mới, cập nhật, hiện đại và mang tính lý luận và phương pháp luận cao về chuyên ngành QTKD trên nền tảng nâng cao và hiện đại hoá các kiến thức về quản trị kinh doanh tại bậc đại học và thạc sỹ; (2) khả năng nghiên cứu, phân tích chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản trị kinh doanh và doanh nghiệp.

### **3. Thông tin tuyển sinh**

#### **3.1. Hình thức tuyển sinh:**

3.1.1. *Đối tượng từ thạc sỹ:* xét hồ sơ chuyên môn theo quy định của ĐHQGHN

3.1.2. *Đối tượng từ cử nhân:* kết hợp thi tuyển và xét hồ sơ chuyên môn

- Môn thi Cơ bản: Toán kinh tế
- Môn thi Cơ sở: Quản trị học
- Môn Ngoại ngữ: Tiếng Anh (theo quy định của Đại học quốc gia Hà Nội)
- Xét hồ sơ chuyên môn theo quy định của Đại học quốc gia Hà Nội.

#### **3.2. Đối tượng tuyển sinh**

3.2.1. *Về văn bằng và công trình đã công bố:* đạt một trong những yêu cầu sau:

- Có bằng thạc sỹ chuyên ngành QTKD hoặc phù hợp hoặc gần chuyên ngành QTKD (Chuyên ngành tốt nghiệp thạc sỹ được coi là chuyên ngành đúng của chuyên ngành đào tạo tiến sĩ khi mã số (tên gọi) của chuyên ngành này và chuyên ngành đào tạo thạc sỹ có chuyên ngành đào tạo tiến sĩ QTKD trùng nhau; được coi là chuyên ngành phù hợp khi nội dung phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành trong chương trình đào tạo của chuyên ngành này và của chuyên ngành đào tạo thạc sỹ có chuyên ngành đào tạo tiến sĩ QTKD khác nhau không quá 20% cả về nội dung và khối lượng kiến thức kỹ năng; khác nhau từ 20-30% được coi là chuyên ngành gần; khác nhau quá 30% được coi là chuyên ngành khác).

- Có bằng thạc sỹ chuyên ngành khác và có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi. Trường hợp này thí sinh phải có ít nhất một bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự thi và phải dự thi theo chế độ đối với người chưa có bằng thạc sỹ.

- Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành đúng, loại giỏi trở lên và có ít nhất một bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự thi.

- Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành đúng, loại khá và có ít nhất hai bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự thi.

- Nội dung các bài báo phải phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển và được công bố trên tạp chí khoa học của ĐHQGHN, các tạp chí khoa học có uy tín cấp quốc gia, quốc tế hoặc trong các tuyển tập công trình (có phản biện) của Hội nghị khoa học cấp quốc gia, quốc tế được xuất bản chính thức.

### 3.2.2. Về kinh nghiệm công tác:

- Người dự thi vào chương trình đào tạo tiến sĩ cần có ít nhất hai năm làm việc chuyên môn trong lĩnh vực của chuyên ngành đăng ký dự thi (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nhập học), trừ trường hợp được chuyển tiếp sinh.

### 3.3. Danh mục các chuyên ngành phù hợp, chuyên ngành gần

Danh mục các chuyên ngành gần và chuyên ngành phù hợp:

TT	Tên gọi	Ghi chú
1	Quản trị kinh doanh	
2	Quản trị nhân lực	
3	Kế toán - Kiểm toán	
4	Kinh tế học	
5	Kinh tế đầu tư	
6	Kinh tế phát triển	
7	Kinh tế quốc tế	
8	Tài chính - Ngân hàng	
9	Bảo hiểm	
10	Kinh doanh thương mại	
11	Chính sách công	
12	Quản lý công	
13	Quản lý kinh tế	
14	Luật kinh tế	

### 3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh: 10 NCS/năm

## **PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Về kiến thức**

#### ***1.1. Kiến thức chung trong ĐHQGHN (đối với NCS từ cử nhân)***

- Người học nắm vững thế giới quan, phương pháp luận triết học Mác – Lênin; có kiến thức cơ bản về ngoại ngữ (tiếng Anh) và sử dụng được những kiến thức nói trên trong học tập, nghiên cứu và tác nghiệp.

#### ***1.2. Kiến thức nhóm chuyên ngành (đối với NCS từ cử nhân)***

- Nghiên cứu sinh nắm vững phương pháp luận nghiên cứu về Quản trị kinh doanh và sử dụng được phương pháp nghiên cứu liên ngành; Có hiểu biết sâu về tri thức nền tảng của chuyên ngành Quản trị kinh doanh; đồng thời nắm vững các thuật ngữ chuyên môn trong trao đổi học thuật về Quản trị kinh doanh bằng ngoại ngữ.

#### ***1.3. Kiến thức chuyên ngành (đối với NCS từ cử nhân)***

- Người học có kiến thức chuyên sâu về các lí thuyết quản trị kinh doanh hiện đại, các tư duy mới trong kinh doanh, nắm vững các công nghệ quản trị doanh nghiệp hiện đại. Hiểu và giải thích được cơ cấu vận hành của hệ thống quản trị doanh nghiệp như là một tổng thể vừa có tính mở vừa có tính bản sắc riêng.

- Hiểu sâu và có kỹ năng phân tích về những tri thức quản trị kinh doanh hiện đại và xu hướng phát triển của chúng trong tương lai.

- Biết đặt kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh trong môi trường tương tác rộng hơn liên quan tới xã hội, văn hóa, kinh tế, lịch sử nhằm thấu hiểu và kiến giải được sự phức tạp của các tình huống, các quy luật kinh doanh cũng như hành vi của các cá nhân và tổ chức tham gia vào hoạt động kinh doanh.

#### ***1.4. Kiến thức học phần và chuyên đề tiến sĩ***

- Với những tri thức được trang bị, NCS có thể suy luận và mở rộng những kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh và những thành tựu kinh doanh của nhân loại cũng như các tình huống quản trị kinh doanh trên thế giới sao cho phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam.

#### ***1.5. Yêu cầu đối với luận án***

- Luận án phải là công trình nghiên cứu khoa học độc lập, có đóng góp mới cho việc giải quyết vấn đề khoa học QTKD, lí luận hoặc thực tiễn áp dụng các mô hình, cách tiếp cận, và kỹ năng QTKD đang đặt ra tại các tổ chức/ doanh nghiệp, góp phần xây dựng, hình thành những luận điểm mới về lí luận phù hợp với chuyên ngành QTKD.

- Luận án phải thể hiện được hiểu biết sâu sắc về kiến thức và phương pháp nghiên cứu chuyên ngành trong việc giải quyết đề tài nghiên cứu cụ thể. Kết quả luận

án có giá trị đối với lĩnh vực QTKD cả về lí thuyết khoa học cũng như thực tiễn quản trị, tạo dựng các giá trị bền vững thông qua hoạt động của nghiên cứu sinh.

- Luận án phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính nghiên cứu sinh, có đóng góp về mặt lí luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực QTKD, giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành QTKD ứng dụng vào thực tiễn doanh nghiệp nhằm nâng cao năng suất chất lượng hiệu quả và tính bền vững hoạt động kinh tế - xã hội nói chung và trong QTKD nói riêng.

- Đề tài luận án phải được tiêu ban chuyên môn thông qua trong quy trình xét tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ, được thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định giao đề tài và người hướng dẫn. Nghiên cứu sinh phải trình bày nội dung, kế hoạch nghiên cứu trước đơn vị chuyên môn chậm nhất 6 tháng sau khi nhận đề tài luận án và báo cáo kết quả nghiên cứu 6 tháng 1 lần trong thời gian thực hiện luận án. Kết quả đánh giá báo cáo là điều kiện để xem xét việc đề nghị cho bảo vệ luận án;

- Kết quả nghiên cứu trong luận án phải là kết quả lao động của chính tác giả thu được chủ yếu trong thời gian đào tạo, không là kết quả nghiên cứu của người khác và chưa được người nào công bố trong bất kỳ công trình khoa học nào khác. Nếu sử dụng kết quả, tài liệu của người khác (bảng, biểu, công thức, đồ thị, kết quả điều tra khảo sát cùng những tài liệu khác) thì phải được tác giả đồng ý và trích dẫn tường minh. Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó tác giả đóng góp phần chính thì phải xuất trình các văn bản thể hiện sự nhất trí của các thành viên trong tập thể đó cho tác giả sử dụng kết quả chung của tập thể để viết luận án;

- Luận án có khối lượng không quá 150 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có ít nhất 70% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh theo cấu trúc.

### ***1.6. Yêu cầu về số lượng và chất lượng của công trình khoa học sẽ công bố***

- Có ít nhất 02 bài báo liên quan đến nội dung của luận án được công bố trên tạp chí khoa học của ĐHQGHN, các tạp chí khoa học có uy tín cấp quốc gia, quốc tế hoặc trong các tuyển tập công trình (có phản biện) của Hội nghị khoa học cấp quốc gia, quốc tế được xuất bản chính thức trong thời gian đào tạo. Tạp chí khoa học phải có trong danh sách tạp chí được hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước công nhận và tính điểm.

## **2. Về kĩ năng**

### ***2.1. Kĩ năng cứng***

Nghiên cứu sinh tốt nghiệp chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh có các kĩ năng cơ bản như sau:

- Thiết kế được các đề cương nghiên cứu, đánh giá và thẩm định được chất lượng nghiên cứu;

- Phát hiện và xử lý các vấn đề quản trị kinh doanh nảy sinh về lý thuyết và đặc biệt trong hoạt động thực tiễn quản trị kinh doanh để có thể có những đóng góp mới vào việc bổ sung, phát triển lý luận quản trị kinh doanh. Bên cạnh đó, giúp cho nghiên cứu sinh có thể làm việc độc lập và sáng tạo, có năng lực tổ chức và thực hiện các hoạt động khoa học và thực tiễn trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

- Phân tích, đánh giá và dự báo có luận cứ khoa học về những thay đổi của môi trường kinh tế vĩ mô cũng như môi trường hoạt động kinh doanh từ đó đưa ra các quyết sách đúng đắn cho chiến lược phát triển doanh nghiệp trong dài hạn.

- Có khả năng hướng dẫn cho sinh viên nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực quản trị kinh doanh;

- Đề xuất các hướng tiếp cận, nghiên cứu mới trong lĩnh vực quản trị kinh doanh;

- Thiết kế và thực hiện được kế hoạch về các chương trình, dự án, đề tài trong lĩnh vực quản trị kinh doanh;

## **2.2. *Kỹ năng mềm***

Nghiên cứu sinh tốt nghiệp chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh có các kỹ năng cơ bản như sau:

### **2.2.1. *Kỹ năng cá nhân***

- Khả năng làm việc và nghiên cứu độc lập

- Sáng tạo và ứng dụng các lý luận, phát huy các kinh nghiệm của bản thân trong việc phân tích và xử lý các tình huống nghiên cứu và thực tiễn về quản trị.

- Có kỹ năng tổ chức và quản lý hoạt động nghiên cứu.

- Có kỹ năng viết và thuyết trình, giảng giải các nghiên cứu về quản trị kinh doanh một cách chuyên nghiệp.

- Giao tiếp tốt bằng tiếng Anh trong công việc, học tập, nghiên cứu và trao đổi.

### **2.2.2. *Kỹ năng làm việc theo nhóm:*** Thể hiện ở khả năng phối hợp trong xây dựng đề tài và tổ chức nghiên cứu, đánh giá nghiên cứu; khả năng tạo liên kết nhóm trong phân tích và hoạch định chiến lược, chính sách kinh doanh, phát triển được các hệ thống lý thuyết mới trong lĩnh vực quản trị kinh doanh;

### **2.2.3. *Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ:*** sử dụng được ít nhất một ngoại ngữ tương đương Chuẩn B2 khung tham chiếu châu Âu (Đối với tiếng Anh: tương đương 5.0 IELTS, hoặc 500 TOEFL);

2.2.4. *Kỹ năng quản lý và lãnh đạo*: Thể hiện ở khả năng xây dựng và triển khai chiến lược kinh doanh; khả năng phân tích, phản biện các chính sách về kinh doanh; khả năng ứng biến và ra quyết định trong các tình huống kinh doanh phức tạp;

2.2.5. *Kỹ năng về tin học văn phòng*: Sử dụng thành thạo Microsoft Word, Excel, Power Point và ít nhất một trong ba phần mềm thống kê thông dụng: STATA, EVIEW, SPSS.

### **3. Về năng lực**

#### **3.1. Những ví trí công tác mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp**

- Giảng viên & nghiên cứu viên về lĩnh vực quản trị doanh nghiệp
- Chuyên gia tư vấn độc lập trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp
- Chuyên gia có trình độ cao tại các cơ quan quản lý, hoạch định và tư vấn chính sách, hay các tập đoàn kinh tế.
- Giám đốc bộ phận phát triển chiến lược hoặc nghiên cứu và phát triển tại các tập đoàn kinh tế trong nước hoặc tập đoàn đa quốc gia.

#### **3.2. Yêu cầu kết quả thực hiện công việc**

- Sau khi tốt nghiệp, tiến sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh có khả năng trực tiếp tham gia các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy về quản trị kinh doanh có tính lý luận cao; hoặc tham gia hoạt động quản trị và lãnh đạo tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

### **4. Về phẩm chất đạo đức:**

#### **4.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân**

- Nghiên cứu sinh tốt nghiệp bậc đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh có đạo đức công dân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức nghiên cứu, có thái độ chủ động sáng tạo tìm tòi cách tiếp cận mới trong xử lý tình huống; biết lắng nghe, phân tích và phản biện theo cách tiếp cận mới, riêng có, tuân thủ quy định của pháp luật thực hiện mục tiêu bảo vệ và xây dựng Tổ quốc.

#### **4.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp**

- Nghiên cứu sinh tốt nghiệp bậc đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh có lối sống trung thực, thái độ khách quan, có tinh thần trách nhiệm, bản lĩnh và tác phong nghề nghiệp; quyết đoán và vận dụng được tính chuyên nghiệp cao trong công việc; dám chịu trách nhiệm và tự tin giải quyết công việc dựa trên các phân tích khoa học.

#### **4.3. Phẩm chất đạo đức xã hội**

- Nghiên cứu sinh tốt nghiệp bậc đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh giữ thái độ tôn trọng và quan tâm đến con người, có ý thức về vai trò và trách

nhiệm cá nhân đối với sự phát triển nguồn nhân lực. Hiểu được trách nhiệm xã hội cao; biết chủ động đề xuất các giải pháp mới khoa học để xử lý các tình huống kinh doanh theo hướng phát triển bền vững, vì mục tiêu quốc kế, dân sinh.

### **PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo**

##### ***1.1. Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp:***

*a. Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng nghiên cứu:*

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 90 tín chỉ, trong đó:

- Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan: 20 tín chỉ

+ Các học phần tiến sĩ: 8 tín chỉ

• Bắt buộc: 6 tín chỉ

• Tự chọn: 2 tín chỉ

+ Tiếng Anh học thuật nâng cao: 4 tín chỉ

+ Chuyên đề tiến sĩ: 6 tín chỉ

+ Tiểu luận tổng quan: 2 tín chỉ

- Luận án tiến sĩ: 70 tín chỉ

*b. Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ Quản trị kinh doanh định hướng thực hành:*

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 94 tín chỉ, trong đó:

- Các học phần bổ sung kiến thức: 4 tín chỉ

- Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan: 20 tín chỉ

+ Các học phần tiến sĩ: 8 tín chỉ

• Bắt buộc: 6 tín chỉ

• Tự chọn: 2 tín chỉ

+ Tiếng Anh học thuật nâng cao: 4 tín chỉ

+ Chuyên đề tiến sĩ: 6 tín chỉ

+ Tiểu luận tổng quan: 2 tín chỉ

- Luận án tiến sĩ: 70 tín chỉ

***1.2. Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần:***



Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 98 tín chỉ, trong đó:

- Các học phần bổ sung kiến thức: 8 tín chỉ
  - Bắt buộc: 5 tín chỉ
  - Tự chọn: 3 tín chỉ
- Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan: 20 tín chỉ
  - + Các học phần tiến sĩ: 8 tín chỉ
    - Bắt buộc: 6 tín chỉ
    - Tự chọn: 2 tín chỉ
  - + Tiếng Anh học thuật nâng cao: 4 tín chỉ
  - + Chuyên đề tiến sĩ: 6 tín chỉ
  - + Tiểu luận tổng quan: 2 tín chỉ
- Luận án tiến sĩ: 70 tín chỉ

### ***1.3. Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ***

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 126 tín chỉ, trong đó:

- Khối kiến thức bổ sung: 36 tín chỉ
  - + Khối kiến thức chung (bắt buộc): 6 tín chỉ
  - + Khối kiến thức nhóm chuyên ngành: 14 tín chỉ
    - Bắt buộc: 10 tín chỉ
    - Tự chọn: 4/10 tín chỉ
  - + Khối kiến thức chuyên ngành: 16 tín chỉ
    - Bắt buộc: 9 tín chỉ
    - Tự chọn: 7/23 tín chỉ
- Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan: 20 tín chỉ
  - + Các học phần tiến sĩ: 8 tín chỉ
    - Bắt buộc: 6 tín chỉ
    - Tự chọn: 2 tín chỉ
  - + Tiếng Anh học thuật nâng cao: 4 tín chỉ
  - + Chuyên đề tiến sĩ: 6 tín chỉ
  - + Tiểu luận tổng quan: 2 tín chỉ

- Luận án tiến sĩ:

70 tín chỉ

## 2. Khung chương trình đào tạo

### 2.1. Khung chương trình dành cho NCS có bằng thạc sĩ ngành đúng hoặc phù hợp

#### 2.1.1. Khung chương trình dành cho NCS có bằng thạc sĩ ngành đúng hoặc phù hợp định hướng nghiên cứu

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I</b>	<b>PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN</b>						
<b>I.1</b>	<b>Các học phần tiến sĩ</b>		<b>8</b>				
<b>I.1.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>6</b>				
1	INE 8001	Phương pháp nghiên cứu định lượng	2	20	10	0	
2	BSA 8001	Quản trị tri thức	2	20	10	0	
3	BSA 8002	Đổi mới và sáng tạo trong kinh doanh	2	20	10	0	
<b>I.1.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b> Giáo viên hướng dẫn chọn 01 môn học trong khối kiến thức nhóm chuyên ngành hoặc chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Kinh tế quốc tế, Kinh tế chính trị, Quản lý kinh tế của Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN		<b>2</b>				
4		Học phần tự chọn	2				
<b>I.2</b>	<b>Ngoại ngữ học thuật nâng cao</b>						
5	BSA 8101	Tiếng Anh học thuật nâng cao	4	0	0	60	
<b>I.3</b>	<b>Các chuyên đề tiến sĩ</b>		<b>6</b>				
6	BSA 8003	Chuyên đề tự chọn 1	2	0	0	30	
7	BSA 8004	Chuyên đề tự chọn 2	2	0	0	30	

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
8	BSA 8005	Chuyên đề tự chọn 3	2	0	0	30	
<b>I.4</b>	<b>Tiểu luận tổng quan</b>		<b>2</b>				
<b>II</b>	<b>PHẦN 2. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC</b> (NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn)						
<b>III</b>	<b>PHẦN 3. LUẬN ÁN TIẾN SĨ</b>						
9	BSA 9001	Luận án tiến sĩ	<b>70</b>				
<b>Tổng cộng</b>			<b>90</b>				

2.1.1. Khung chương trình dành cho NCS có bằng thạc sĩ ngành đúng hoặc phù hợp định hướng thực hành

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I</b>	<b>PHẦN 1. KHỐI KIẾN THỨC BỔ SUNG</b>						
1	INE 6001	Thiết kế nghiên cứu luận văn	2	20	10	0	
2	BSA 6001	Các lý thuyết quản trị hiện đại	2	20	10	0	
<b>II</b>	<b>PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN</b>						
<b>II.1</b>	<b>Các học phần tiến sĩ</b>		<b>8</b>				
<b>II.1.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>6</b>				
3	INE 8001	Phương pháp nghiên cứu định lượng	2	20	10	0	
4	BSA 8001	Quản trị tri thức	2	20	10	0	
5	BSA 8002	Đổi mới và sáng tạo trong kinh doanh	2	20	10	0	

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>II.1.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b> Giáo viên hướng dẫn chọn 01 môn học trong khối kiến thức nhóm chuyên ngành hoặc chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Kinh tế quốc tế, Kinh tế chính trị, Quản lý kinh tế của Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN		<b>2</b>				
6		Học phần tự chọn	2				
<b>II.2</b>	<b>Ngoại ngữ học thuật nâng cao</b>						
7	BSA 8101	Tiếng Anh học thuật nâng cao	4	0	0	60	
<b>II.3</b>	<b>Các chuyên đề tiến sĩ</b>		<b>6</b>				
8	BSA 8003	Chuyên đề tự chọn 1	2	0	0	30	
9	BSA 8004	Chuyên đề tự chọn 2	2	0	0	30	
10	BSA 8005	Chuyên đề tự chọn 3	2	0	0	30	
<b>II.4</b>	<b>Tiểu luận tổng quan</b>		<b>2</b>				
<b>III</b>	<b>PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC</b> ( <i>NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn</i> )						
<b>IV</b>	<b>PHẦN 4. LUẬN ÁN TIẾN SĨ</b>						
11	BSA 9001	Luận án tiến sĩ	<b>70</b>				
<b>Tổng cộng</b>			<b>94</b>				

## 2.2. Khung chương trình dành cho NCS có bằng thạc sĩ ngành gần

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I</b>	<b>PHẦN 1. KHỐI KIẾN THỨC BỔ SUNG</b>						
<b>I.1</b>	<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>5</b>				
1	BSA6004	Quản trị chiến lược nâng cao	3	30	15	0	
2	BSA6001	Các lý thuyết quản trị hiện đại	2	20	10	0	
<b>I.2</b>	<b>Học phần tự chọn</b> Giáo viên hướng dẫn chọn 01 môn học trong khối kiến thức nhóm chuyên ngành hoặc chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN		<b>3</b>				
3		Học phần tự chọn	3				
<b>II</b>	<b>PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN</b>						
<b>II.1</b>	<b>Các học phần tiến sĩ</b>		<b>8</b>				
<b>II.1.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>6</b>				
4	INE 8001	Phương pháp nghiên cứu định lượng	2	20	10	0	
5	BSA 8001	Quản trị tri thức	2	20	10	0	
6	BSA 8002	Đổi mới và sáng tạo trong kinh doanh	2	20	10	0	
<b>II.1.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b> Giáo viên hướng dẫn chọn 01 môn học trong khối kiến thức nhóm chuyên ngành hoặc chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Kinh tế quốc tế, Kinh tế chính trị, Quản lý kinh tế của Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN		<b>2</b>				

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
7		Học phần tự chọn	2				
<b>II.2</b>	<b>Ngoại ngữ học thuật nâng cao</b>						
8	BSA 8101	Tiếng Anh học thuật nâng cao	4	0	0	60	
<b>II.3</b>	<b>Các chuyên đề tiến sĩ</b>		<b>6</b>				
9	BSA 8003	Chuyên đề tự chọn 1	2	0	0	30	
10	BSA 8004	Chuyên đề tự chọn 2	2	0	0	30	
11	BSA 8005	Chuyên đề tự chọn 3	2	0	0	30	
<b>II.4</b>	<b>Tiểu luận tổng quan</b>		<b>2</b>				
<b>III</b>	<b>PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC</b> (NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn)						
<b>IV</b>	<b>PHẦN 4. LUẬN ÁN TIẾN SĨ</b>						
12	BSA 9001	Luận án tiến sĩ	<b>70</b>				
<b>Tổng cộng</b>			<b>98</b>				

### 2.3. Khung chương trình dành cho NCS chưa có bằng thạc sĩ

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I</b>	<b>PHẦN 1. KHỐI KIẾN THỨC BỔ SUNG</b>						
<b>I.1</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>6</b>				
1	CTP 5001	Triết học	2	30	0	0	
2	ENG 5001	Tiếng Anh cơ bản	4	35	25	0	
<b>I.2</b>	<b>Khối kiến thức nhóm chuyên ngành</b>		<b>14</b>				
<b>I.2.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>10</b>				

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
3	ENG 6001	Tiếng Anh học thuật	3	30	15	15	ENG5001
4	INE 6001	Thiết kế nghiên cứu luận văn	2	20	10	0	
5	BSA6004	Quản trị chiến lược nâng cao	3	30	15	0	
6	BSA6001	Các lý thuyết quản trị hiện đại	2	20	10	0	
<b>I.2.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>4/10</b>				
7	BSA6002	Kinh tế học quản lý	2	20	10	0	
8	BSA6018	Lãnh đạo trong tổ chức	2	20	10	0	
9	BSA6019	Ra quyết định quản trị	2	20	10	0	
10	BSA6010	Kế toán quản trị nâng cao	2	20	10	0	
11	BSA6015	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp trong hội nhập quốc tế	2	20	10	0	
<b>I.3</b>	<b>Khối kiến thức chuyên ngành</b>		<b>16</b>				
<b>I.3.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>9</b>				
12	BSA6005	Quản trị Marketing nâng cao	3	30	15	0	
13	BSA6016	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao	3	30	15	0	
14	BSA6003	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	3	30	15	0	
<b>I.3.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>7/23</b>				
15	BSA6017	Quản trị sản xuất và tác nghiệp nâng cao	3	30	15	0	
16	BSA6035	Quản trị thương hiệu	2	20	10	0	

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
17	BSA6027	Tinh thần doanh nghiệp	2	20	10	0	
18	BSA6029	Quản trị công nghệ	3	30	15	0	
19	BSA6026	Quản trị rủi ro	2	20	10	0	
20	BSA6008	Các thị trường và định chế tài chính	2	20	10	0	
21	BSA6031	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	2	20	10	0	
22	BSA6025	Quan hệ công chúng	2	20	10	0	
23	BSA6021	Quản trị công ty nâng cao	3	30	15	0	
24	BSA6014	Chuyên đề quản trị kinh doanh	2	20	10	0	
<b>II</b>	<b>PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN</b>						
<b>II.1.</b>	<b>Các học phần tiến sĩ</b>						
<b>II.1.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>6</b>				
25	INE 8001	Phương pháp nghiên cứu định lượng	2	20	10	0	
26	BSA 8001	Quản trị tri thức	2	20	10	0	
27	BSA 8002	Đổi mới và sáng tạo trong kinh doanh	2	20	10	0	
<b>II.1.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b> Giáo viên hướng dẫn chọn 01 môn học trong khối kiến thức nhóm chuyên ngành hoặc chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Kinh tế quốc tế, Kinh tế chính trị, Quản lý kinh tế của Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN		<b>2</b>				
28		<b>Học phần tự chọn</b>	2				
<b>II.2</b>	<b>Ngoại ngữ học thuật nâng cao</b>		<b>4</b>				



STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
29	BSA 8101	Tiếng Anh học thuật nâng cao	4	0	0	60	
<b>II.3</b>	<b>Các chuyên đề tiến sĩ</b>		<b>6</b>				
30	BSA 8003	Chuyên đề tự chọn 1	2	0	0	30	
31	BSA 8004	Chuyên đề tự chọn 2	2	0	0	30	
32	BSA 8005	Chuyên đề tự chọn 3	2	0	0	30	
<b>II.4</b>	<b>Tiểu luận tổng quan</b>		<b>2</b>				
<b>III</b>	<b>PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC</b> (NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn)						
<b>IV</b>	<b>PHẦN 4. LUẬN ÁN TIẾN SĨ</b>						
33	BSA 9001	Luận án tiến sĩ	<b>70</b>				
		<b>Tổng cộng</b>	<b>126</b>				